

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3007 A/ 2025/CV-JVC
(V/v: CBTT BCTC Quý II.2025 và Giải trình
biến động LNST)

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2025

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT**
- Mã chứng khoán: **JVC**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0243 683 0516 Fax: 0243 683 0578
- Người thực hiện công bố thông tin: **Vũ Văn Toàn**
- Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0243 683 0516
- Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu : ☒ định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển y tế Việt Nhật công bố Báo cáo tài chính Quý II năm 2025 như sau:

- Báo cáo tài chính Quý II năm 2025 (giai đoạn 01/04/2025 - 30/06/2025) đã được chúng tôi công bố trên website của công ty theo đường dẫn:
http://ytevietnhat.com.vn/bao-cai-tai-chinh_t370c37tn.aspx
- Giải trình Báo cáo tài chính Quý II năm 2025 (giai đoạn 01/04/2025 - 30/06/2025) do Lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh Quý II.2025 so với Quý II.2024 có sự biến động hơn 10% cụ thể như sau:

a. Báo cáo tài chính riêng Quý II năm 2025 (giai đoạn 01/04/2025 - 30/06/2025)

STT	Chỉ tiêu	Từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/06/2024	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	131,141,600,700	149,681,494,531	(18,539,893,831)	(12.39%)
2	Giá vốn hàng bán	102,262,851,411	113,919,937,532	(11,657,086,121)	(10.23%)
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	28,878,749,289	35,761,556,999	(6,882,807,710)	(19.25%)
4	Doanh thu hoạt động tài chính	(1,534,359,918)	4,714,054,022	(6,248,413,940)	(132.55%)
5	Chi phí tài chính	3,634,761,333	420,721,036	3,214,040,297	763.94%
6	Trong đó: chi phí lãi vay	2,321,304,840	1,191,051,302	1,130,253,538	94.90%
7	Chi phí bán hàng	9,473,400,192	16,094,972,121	(6,621,571,929)	(41.14%)
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9,107,258,029	11,973,099,795	(2,865,841,766)	(23.94%)

STT	Chỉ tiêu	Từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/06/2024	Chênh lệch	Tỷ lệ
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	5,128,969,817	11,986,818,069	(6,857,848,252)	(57.21%)
10	Thu nhập khác	6,430,487,558	(1,188,030,871)	7,618,518,429	641.27%
11	Chi phí khác	33,697,023	787,067,329	(753,370,306)	(95.72%)
12	Lợi nhuận khác (40=31-32)	6,396,790,535	(1,975,098,200)	8,371,888,735	423.87%
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	11,525,760,352	10,011,719,869	1,514,040,483	15.12%
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2,207,722,322	2,002,343,974	205,378,348	10.26%
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	9,318,038,030	8,009,375,895	1,308,662,135	16.34%

Giải trình:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Quý II.2025 tăng 16.34% so với cùng kỳ năm trước do một số yếu tố chính như sau:

- Chi phí tài chính tăng 763.94% do tỷ giá JPY và USD tăng cao, đồng thời CP lãi vay cũng tăng 94% so với cùng kỳ năm trước.
- Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp được tiết giảm tốt, giảm 9 tỷ so với cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận khác tăng 423.87% so với cùng kỳ năm trước do Công ty đã thanh lý được một số tài sản đồng thời có thêm các khoản thưởng/hỗ trợ từ nhà cung cấp.

b. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2025 (giai đoạn 01/04/2025 - 30/06/2025)

STT	Chỉ tiêu	Từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/06/2024	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	136,277,556,529	157,400,055,696	(21,122,499,167)	(13.42%)
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	27,435,659,258	36,601,457,136	(9,165,797,878)	(25.04%)
3	Doanh thu hoạt động tài chính	(1,631,368,189)	4,718,972,232	(6,350,340,421)	(134.57%)
4	Chi phí tài chính	3,834,197,226	1,220,621,910	2,613,575,316	214.12%
5	Trong đó: chi phí lãi vay	2,520,740,733	1,191,051,302	1,329,689,431	111.64%
6	Chi phí bán hàng	9,627,623,114	15,940,749,198	(6,313,126,084)	(39.60%)
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10,148,949,867	12,571,426,088	(2,422,476,221)	(19.27%)
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	2,193,520,862	11,587,632,172	(9,394,111,310)	(81.07%)
9	Chi phí khác	498,919,108	3,054,271,053	(2,555,351,945)	(83.66%)
10	Lợi nhuận khác (40=31-32)	1,658,841,177	(944,335,850)	2,603,177,027	275.66%
11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	3,852,362,039	10,643,296,322	(6,790,934,283)	(63.80%)
12	(Lợi ích)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(1,050,170,557)	(27,877,355)	(1,022,293,202)	(3,667.11%)



STT	Chỉ tiêu	Từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/06/2024	Chênh lệch	Tỷ lệ
13	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	3,087,230,521	8,668,829,703	(5,581,599,182)	(64.39%)

Giải trình:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Quý II.2025 giảm 64.39% so với cùng kỳ năm trước ngoài các yếu tố như đã nêu tại phần giải trình chênh lệch của Báo cáo riêng, yếu tố còn lại chủ yếu do loại trừ thu nhập khác từ hợp nhất do thanh lý tài sản giữa công ty mẹ và công ty con.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển y tế Việt Nhật cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VP.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



VŨ VĂN TOÀN

